

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**BÙI THỊ QUỲNH GIANG**

**PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM,  
QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 8380107**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**QUẢNG BÌNH, năm 2021**

Công trình được hoàn thành tại:  
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Trần Tiến Hải**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn  
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu .....	4
6. Những đóng góp của luận văn .....	5
7. Kết cấu của luận văn .....	5
<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI .....</b>	<b>6</b>
<b>1.1. Khái quát về đầu tư nước ngoài .....</b>	<b>6</b>
1.1.1. Khái niệm về đầu tư nước ngoài.....	6
1.1.2. Đặc điểm về đầu tư nước ngoài .....	6
1.1.3. Các hình thức đầu tư nước ngoài .....	6
1.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.....	7
<b>1.2. Khái quát pháp luật về đầu tư nước ngoài.....</b>	<b>9</b>
1.2.1. Khái niệm pháp luật đầu tư nước ngoài.....	9
1.2.2. Đặc điểm pháp luật đầu tư nước ngoài .....	10
1.2.3. Nội dung pháp luật điều chỉnh về đầu tư nước ngoài.....	10
Tiểu Kết Chương 1.....	11
<b>Chương 2.THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH.....</b>	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>
<b>2.1. Quá trình phát triển của luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.....</b>	<b>12</b>
<b>2.2. Thực trạng pháp luật về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam... 13</b>	
2.2.1. Các hình thức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam: .....	13
2.2.2. Các lĩnh vực ưu đãi đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.....	13
2.2.3. Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư .....	14
<b>2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình .....</b>	<b>14</b>
2.3.1. Một số đặc điểm về điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình và tác động của chúng đối với đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình .....	14
2.3.2. Tình hình đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình.....	14
2.3.3. Những hạn chế, bất cập.....	15

<b>2.4. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập thi hành pháp luật về đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình .....</b>	<b>15</b>
2.4.1. Nguyên nhân chủ quan.....	15
2.4.2. Nguyên nhân khách quan.....	15
Tiểu kết chương 2.....	15
<b>Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM.....</b>	<b>16</b>
<b>3.1. Định hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.....</b>	<b>16</b>
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về đầu tư nước ngoài phải phù hợp với chính sách, pháp luật của nhà nước .....	16
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam phải dựa trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.....	16
3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam phải đặt trong cải cách thể chế .....	17
<b>3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam....</b>	<b>17</b>
<b>3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình hiện nay .....</b>	<b>17</b>
3.3.1. Nhóm giải pháp tăng cường thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư tại tỉnh Quảng Bình. ....	17
3.3.2. Nhóm giải pháp thúc đẩy đầu tư. ....	18
3.3.3. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư.....	18
3.3.4. Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách.....	19
3.3.5. Nhóm giải pháp về phát triển khu công nghiệp.....	19
Tiểu Kết Chương 3.....	19
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>20</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>21</b>

# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là vấn đề mang tính chất toàn cầu và là xu thế của các quốc gia trên thế giới. Thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nước nhận đầu tư, có thể tiếp thu được vốn, công nghệ và kỹ thuật tiên tiến, kinh nghiệm quản lý và tìm hiểu được thị trường quốc tế và tận dụng nguồn tài nguyên, nguyên liệu tại chỗ, tiết kiệm chi phí vận chuyển hàng hóa, tránh được chế độ giấy phép xuất khẩu trong nước và tận dụng cõta xuất khẩu của nước nhận đầu tư để mở rộng thị trường, nâng cao trình độ khoa học - công nghệ, năng lực quản lý và trình độ tiếp thị giữa các quốc gia. Vì vậy, trên thế giới đang diễn ra một cuộc cạnh tranh để thu hút nguồn vốn của đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Đối với tỉnh Quảng Bình, đầu tư trực tiếp nước ngoài đã có một quá trình phát triển từ những năm 90 của thế kỷ XX trở lại đây và những kết quả đạt được đã góp phần to lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, so với yêu cầu thì lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vẫn còn thấp và phân bổ không đều. Mặt khác, tác động của vốn đầu tư chưa thực sự rõ nét, chưa góp phần tạo ra sự tăng trưởng ổn định và vững chắc cho nền kinh tế của tỉnh. Vì vậy, việc phân tích thực trạng tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài và tìm ra các giải pháp hữu hiệu để tăng cường thu hút và phát huy tác động tích cực, hạn chế tác động tiêu cực của nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình, đã và đang là vấn đề đặc biệt cấp thiết. Với những lý do cơ bản trên đây, tác giả đã lựa chọn đề tài ***“Pháp luật về đầu tư nước***

*ngoài tại Việt Nam qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình*” làm luận văn thạc sĩ Luật học khóa 10 (2019- 2021) tại Trường Đại học Luật Huế.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn**

Liên quan đến đề tài ở những phạm vi, mức độ khác nhau, có thể nêu ra một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như:

- Luận án Tiến sĩ kinh tế: “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong việc phát triển kinh tế Việt Nam*”, năm 1994 của tác giả Mai Đức Lộc

- Luận án Tiến sĩ “*Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư nước ngoài ở các nước ASEAN và vận dụng vào Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Huy Thám, năm 1999,

- Sách “*Thu hút đầu tư trực tiếp của các công ty xuyên quốc gia vào Việt Nam*” của tác giả Hoàng Thị Bích Loan, năm 2008.

- Sách “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài của các công ty xuyên quốc gia của Hoa Kỳ ở Việt Nam*” của tác giả Đặng Hoàng Thanh Nga, năm 2011.

- Bài viết “*Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Việt Nam*” của tác giả Đào Văn Hiệp.

- Sách “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam Lý luận và Thực tiễn*” của PGS.TS Phùng Xuân Nhạ, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2013.

- Bài viết “*Thu hút và sử dụng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam: Kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra*” của tác giả Trần Nguyễn Tuyên, Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, số 1(112) năm 2018.

- Bài viết “*Thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần phát triển kinh tế xã hội*” của tác giả Trần Văn Hùng, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, (343), tr.3-12, Năm 2019.

Nhìn chung, các công trình khoa học trên đã mang đến cho tác giả một cái nhìn khá toàn diện về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và

những góc độ tiếp cận khác nhau thuộc lĩnh vực đầu tư vào Việt Nam, bởi những công trình này chứa đựng một lượng thông tin lớn, đặc biệt đi sâu nghiên cứu những vấn đề lý luận của quá trình hình thành và phát triển quá trình đầu tư vào Việt Nam, thực trạng pháp luật và những định hướng lớn trong hoàn thiện pháp luật về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có một công trình nào đi sâu nghiên cứu, phân tích một cách có hệ thống, đầy đủ, chuyên sâu và toàn diện trên phương diện lý luận, thực tiễn đặt trong mối quan hệ so sánh, đối chiếu với thực tiễn thi hành trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thì dường như vẫn còn thiếu một công trình như vậy.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### ***3.1. Mục đích nghiên cứu***

Thông qua việc tìm hiểu, phân tích để làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận pháp luật cũng như đánh giá thực trạng và thực tiễn thực hiện pháp luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình tác giả đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và bảo đảm áp dụng pháp luật đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới đạt hiệu quả tốt.

#### ***3.2. Nhiệm vụ***

- Tìm hiểu, phân tích để làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về việc đầu tư nước ngoài, pháp luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
- Đánh giá thực trạng và thực tiễn áp dụng pháp luật về pháp luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình, qua đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn có đối tượng nghiên cứu là: Pháp luật về đầu tư nước ngoài và thực hiện pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình.

## **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi nội dung: Luận văn này chỉ tập trung nghiên cứu về đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam (FDI). Không nghiên cứu về hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), và viện trợ phi chính phủ (NGO).

- Phạm vi không gian: Luận văn tập trung nghiên cứu về việc bảo đảm thực hiện pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trên phạm vi địa bàn tỉnh Quảng Bình.

*Thời gian nghiên cứu:* Từ năm 2016 đến năm 2020.

*Không gian nghiên cứu:* Tỉnh Quảng Bình.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Phương pháp luận nghiên cứu**

Luận văn vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, pháp luật, kinh tế, xã hội; chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Để làm rõ các vấn đề nghiên cứu, luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, phương pháp khảo sát thực tiễn và đánh giá, phương pháp phân tích....Cụ thể, như sau:

- Phương pháp phân tích được sử dụng ở tất cả các chương, mục của luận văn khi nghiên cứu các vấn đề lý luận về đầu tư nước ngoài, đánh giá thực trạng đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình trong thời gian qua.

- Phương pháp thống kê được sử dụng để tập hợp, xử lý các tài liệu, số liệu liên quan đến đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình.



- Phương pháp chứng minh được sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm, các nhận định về thực trạng pháp luật về đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình.

- Phương pháp tổng hợp, quy nạp được sử dụng chủ yếu trong việc đưa ra những nhận định, kết luận của từng chương và kết luận chung của luận văn.

## **6. Những đóng góp của Luận văn**

- Đóng góp về mặt lý luận: Kết quả nghiên cứu của Luận văn có giá trị tham khảo cho những người làm công tác nghiên cứu, học tập, bảo vệ pháp luật. Đặc biệt là đối với các cơ sở đào tạo luật.

- Đóng góp về mặt thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của Luận văn giúp cho nhà quản lý, các cá nhân, doanh nghiệp tham gia các dự án đầu tư nước ngoài vào Việt Nam những kiến thức cần thiết khi họ xác lập và thực hiện các hợp đồng hoặc các công việc liên quan đầu tư nước ngoài vào Việt Nam

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về đầu tư nước ngoài.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật đầu tư nước ngoài vào Việt Nam qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đầu tư nước ngoài ở Việt Nam và ở tỉnh Quảng Bình.

# Chương 1

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### 1.1. Khái quát về đầu tư nước ngoài

#### 1.1.1. Khái niệm về đầu tư nước ngoài

Vốn FDI là biểu hiện bằng tiền hoặc bất kỳ tài sản do tổ chức hoặc cá nhân người nước ngoài mang vào nước khác (nước tiếp nhận đầu tư) để thực hiện kinh doanh theo luật pháp của nước đó nhằm thu được lợi nhuận. Các nhà đầu tư có quyền điều hành doanh nghiệp tùy theo tỷ lệ góp vốn của mình.

*Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam là loại hình kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn bằng tiền hoặc bất kỳ tài sản nào đó để thiết lập các cơ sở sản xuất kinh doanh ở nước tiếp nhận đầu tư, nhờ đó họ có quyền sở hữu và trực tiếp tham gia quản lý, điều hành đối tượng mà họ bỏ vốn đầu tư nhằm mục đích thu được lợi nhuận từ những hoạt động đầu tư đó.*

#### 1.1.2. Đặc điểm về đầu tư nước ngoài

*Thứ nhất, đặc điểm về nguồn vốn*

*Thứ hai, đặc điểm về vốn góp*

*Thứ ba, đặc điểm về quyền quản lý*

*Thứ tư, đặc điểm về quyền sở hữu và quyền sử dụng vốn*

*Thứ năm, FDI là hình thức đầu tư dài hạn bởi hoạt động đầu tư này gắn liền với việc xây dựng các cơ sở, chi nhánh sản xuất kinh doanh tại nước sở tại.*

#### 1.1.3. Các hình thức đầu tư nước ngoài

*Thứ nhất, doanh nghiệp liên doanh*

Doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài (gọi tắt là liên doanh) là hình thức sử dụng rộng rãi nhất của FDI trên thế giới từ trước đến nay.

*Thứ hai*, doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài

Doanh nghiệp đầu tư có vốn đầu tư nước ngoài 100% là doanh nghiệp có vốn FDI được thành lập tại nước ta.

*Thứ ba*, hình thức hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh (hợp doanh) là hình thức kinh doanh quốc tế, trong đó, liên kết giữa các đối tác tương đối lỏng lẻo. Căn cứ pháp lý quan trọng nhất đối với dự án theo hình thức này là hợp đồng hợp tác kinh doanh và hệ thống pháp luật của nước nhận đầu tư.

*Thứ tư*, đầu tư theo hợp đồng xây dựng, kinh doanh, chuyển giao BOT

Bước đầu BOT được coi là hình thức đầu tư bằng nguồn vốn tư nhân nước ngoài theo một hợp đồng song nhượng với sự tham gia đóng góp của Nhà nước của nước sở tại.

*Thứ năm*, đầu tư thông qua mô hình công ty mẹ, công ty con

Mô hình công ty mẹ - con là một trong những mô hình tổ chức quản lý được thừa nhận rộng rãi ở đa số các nước có nền kinh tế thị trường phát triển.

*Thứ sáu*, hình thức công ty cổ phần

*Thứ bảy*, hình thức chi nhánh công ty nước ngoài

*Thứ tám*, hình thức công ty hợp danh

*Thứ chín*, hình thức đầu tư mua lại và sáp nhập

#### **1.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư nước ngoài vào Việt Nam**

##### **1.1.4.1. Những nhân tố bên trong**

- Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý thuận lợi hay không thuận lợi có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động thương mại và đầu tư trực tiếp.

- Tình hình chính trị - xã hội

Tình hình chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với các nhà ĐTNN. Khi tình hình chính trị ổn định sẽ giúp các nhà đầu tư chủ động hơn trong hoạch định chiến lược kinh doanh dài hạn của mình. Khi tình hình chính trị bất ổn, thể chế chính trị thay đổi có nghĩa là mục tiêu, phương hướng phát triển và phương thức đạt mục tiêu của cả một xã hội cũng thay đổi theo.

*- Trình độ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội*

Trình độ phát triển kinh tế của nước tiếp nhận vốn FDI bao gồm mức độ phát triển về quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng, chất lượng cung cấp các dịch vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, môi trường kinh tế, các yếu tố như tốc độ tăng trưởng, chính sách phát triển kinh tế, chu kỳ kinh doanh, tỷ lệ lạm phát, tỷ giá hối đoái, hệ thống tài chính sẽ được nghiên cứu.

*- Tiến trình hội nhập kinh tế của quốc gia và địa phương*

Trình độ phát triển kinh tế được thể hiện qua các nội dung sau:

+ Mức độ phát triển về quản lý kinh tế vĩ mô và chất lượng cung cấp dịch vụ, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của FDI, mức độ cạnh tranh của thị trường trong nước.

+ Chất lượng dịch vụ cơ sở hạ tầng

+ Tính cạnh tranh của nước tiếp nhận đầu tư

*- Môi trường đầu tư*

+ *Chính sách ưu đãi đầu tư*

Chính sách thuế:

Chính sách quản lý ngoại hối:

*- Dân số và nguồn lao động*

Trong dân số vừa có nguồn lao động cần thiết cho hoạt động sản xuất vật chất, vừa là thị trường tiêu thụ các sản phẩm và dịch vụ xã hội.

*- Công tác vận động xúc tiến đầu tư*

Công tác vận động, xúc tiến đầu tư có vai trò quan trọng trong việc phát huy nội lực để thu hút được một giá trị và cơ cấu vốn FDI tối ưu.

*1.1.4.2. Những nhân tố bên ngoài*

*- Tình hình kinh tế thế giới*

Tình hình kinh tế thế giới ảnh hưởng tới luồng di chuyển vốn quốc tế và ảnh hưởng tới FDI vào các nước trên thế giới, qua đó, ảnh hưởng tới thu hút FDI của các nước.

*- Chính sách của các nước tiếp nhận FDI và nước đầu tư*

Khi xây dựng các chính sách thu hút FDI, chính phủ các nước tiếp nhận đầu tư thường phải tính tới chính sách của nước đầu tư để có thể tối ưu hóa chính sách, mang lại lợi ích lớn nhất cho nước mình qua thu hút FDI.

*- Quy định của các tổ chức kinh tế thế giới liên quan đến FDI*

Khi xây dựng pháp luật, chính sách liên quan đến FDI để thu hút FDI, chính phủ các nước thường quan tâm tới các quy định của các tổ chức kinh tế quốc tế liên quan đến FDI, đặc biệt là của các tổ chức kinh tế quốc tế mà nước đó tham gia.

**1.2. Khái quát pháp luật đầu tư nước ngoài**

***1.2.1. Khái niệm pháp luật đầu tư nước ngoài***

*Pháp luật về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam là tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh liên quan đến việc các tổ chức, cá nhân có vốn, có tài sản đầu tư nước ngoài vào Việt Nam nhằm giải quyết hài hòa lợi ích*

*của bên đầu tư và bên nhận đầu tư và các bên liên quan trong hoạt động đầu tư vào nước ta.*

### ***1.2.2. Đặc điểm pháp luật đầu tư nước ngoài***

*Thứ nhất, đặc điểm về nội dung của quan hệ đầu tư*

Nội dung của quan hệ đầu tư chỉ bao gồm quan hệ hợp tác kinh doanh giữa các nhà đầu tư nước ngoài và Việt Nam trên các hình thức cơ bản đó là:

- + Ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh
- + Thành lập doanh nghiệp Liên doanh
- + Thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài

*Thứ hai, đặc điểm về chủ thể:*

Chủ thể của quan hệ đầu tư nước ngoài bao gồm bên nước ngoài và bên Việt Nam.

- + Bên nước ngoài
- + Bên Việt Nam bao gồm
  - + Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao kinh doanh (BTO), Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); gồm bộ, cơ quan trực thuộc chính phủ, UBND Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được Thủ tướng Chính phủ chỉ định ký kết và thực hiện hợp đồng BOT, BTO, BT với nhà đầu tư nước ngoài.

*Thứ ba, đặc điểm về các hình thức đầu tư*

Pháp luật Luật đầu tư nước ngoài của nước ta quy định 5 hình thức đầu tư cụ thể như sau:

- + Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế.
- + Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp.
- + Thực hiện dự án đầu tư.
- + Đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.
- + Các hình thức đầu tư, loại hình tổ chức kinh tế mới theo quy định của Chính phủ.

### ***1.2.3. Nội dung pháp luật điều chỉnh về đầu tư nước ngoài***

Pháp luật về đầu tư nước ngoài nó nằm rải rác ở nhiều đạo luật khác nhau, tạo nên một cơ chế điều chỉnh toàn diện. Nhìn tổng thể, pháp luật đầu tư nước ngoài có những nội dung cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, pháp luật về đầu tư nước ngoài quy định về các hình thức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

*Thứ hai*, pháp luật về đầu tư nước ngoài quy định các lĩnh vực ưu đãi đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

*Thứ ba*, pháp luật về đầu tư nước ngoài quy định đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư.

## **Tiểu kết chương 1**

Từ cơ sở nghiên cứu, đánh giá những vấn đề lý luận của Chương 1 tác giả đã tiến hành đi vào phân tích làm rõ một cách khái quát nhất về vấn đề đầu tư nước ngoài vào Việt Nam:

Luận văn đã xây dựng khái niệm về đầu tư nước ngoài, pháp luật về đầu tư nước ngoài, đây là khái niệm làm cơ sở cho việc nghiên cứu các các vấn đề lý luận về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam hiện nay.

Đặc biệt tại chương này, luận văn đã nêu lên đặc điểm về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam; các hình thức đầu tư nước ngoài; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư nước ngoài vào Việt Nam; trình bày quá trình phát triển của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Đây là một trong những cơ sở lý luận quan trọng để đánh giá thực trạng pháp luật đầu tư nước ngoài và thực tiễn đầu tư nước ngoài vào tỉnh Quảng Bình trong thời gian qua.

Những vấn đề về lý luận như đã trình bày ở trên có mối quan hệ chặt chẽ, có tác động qua lại lẫn nhau tạo nền tảng lý luận cho việc đánh giá thực trạng. Từ đó, đề ra các định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH**

#### **2.1. Quá trình phát triển của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam**

- *Sự ra đời của bản Điều lệ về đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam năm 1977.*

- *Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987*

- *Luật Đầu tư nước ngoài năm 1996*

- *Những sửa đổi bổ sung để hình thành Luật đầu tư 2005 thống nhất và hoàn chỉnh hiện hành.*

*Thứ năm, Luật đầu tư năm 2005*

- *Luật Đầu tư năm 2014*

Ngày 26 tháng 11 năm 2014, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Đầu tư năm 2014 thay thế cho Luật Đầu tư năm 2005. Luật Đầu tư năm 2014 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2015.

Luật Đầu tư năm 2014 bao gồm 07 chương, 76 điều (so với Luật Đầu tư năm 2005, Luật Đầu tư năm 2014 giảm 03 chương, trong đó bãi bỏ toàn bộ Chương VII về đầu tư kinh doanh vốn nhà nước, đồng thời sửa đổi căn bản các nội dung về thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam và hoạt động đầu tư ra nước ngoài

- *Luật Đầu tư năm 2020*

Ngày 17/6/2020, tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Đầu tư 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và thay thế Luật Đầu tư 2014. Luật Đầu tư sửa đổi năm 2020, với 7 chương 77 điều và 4 phụ lục, gồm những nội dung chủ yếu sau:

*Thứ nhất, về nguyên tắc áp dụng Luật Đầu tư*

*Thứ hai, về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và ngành, nghề*



kinh doanh có điều kiện.

*Thứ ba, về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.*

*Thứ tư, về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và thực hiện dự án đầu tư*

*Thứ năm, Về quản lý nhà nước và bảo đảm an ninh, quốc phòng*

## **2.2. Thực trạng pháp luật về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam**

### **2.2.1. Các hình thức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam:**

*Thứ nhất, đối với hình thức Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế:*

Theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư, bao gồm cả nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện thủ tục để thành lập tổ chức kinh tế theo pháp luật hiện hành.

*Thứ hai, đối với hình thức Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp.*

Luật đầu tư 2020 quy định Nhà đầu tư có quyền góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

*Thứ ba, đối với hình thức Thực hiện dự án đầu tư.*

*Thứ tư, đối với hình thức Đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.*

*Thứ năm, Các hình thức đầu tư, loại hình tổ chức kinh tế mới theo quy định của Chính phủ.*

### **2.2.2. Các lĩnh vực ưu đãi đầu tư nước ngoài tại Việt Nam**

Theo quy định tại Điều 20: Đối với đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt đó là: Dự án đầu tư thành lập mới, các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu

10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

### ***2.2.3. Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư***

- Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư bao gồm:

Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư

- Dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư

- Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

- Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội

- Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ

- Dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

- Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Ưu đãi đầu tư được áp dụng đối với dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

## **2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình**

### ***2.3.1. Một số đặc điểm về điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình và tác động của chúng đối với đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình***

Quảng Bình là tỉnh thuộc phía Bắc Trung Bộ nước ta, có tổng diện tích đất tự nhiên là 8.065 km<sup>2</sup>, với 85% tổng diện tích tự nhiên là đồi núi, dân số là 936.607 người; có 08 huyện, thành phố, thị xã trong đó có 01 huyện nghèo (huyện Minh Hóa), có 151 xã, phường, thị trấn, trong đó có 54 xã nghèo.

### ***2.3.2. Tình hình đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình***

#### ***2.3.2.1. Công tác xúc tiến đầu tư***

#### ***2.3.2.2. Công tác thu hút dự án có vốn đầu tư nước ngoài***

Bằng những chính sách khuyến khích đầu tư, mở cửa thị trường, Quảng Bình đã thức sự tạo cho mình một khung pháp lý cơ bản hoàn

thiện cho pháp luật về kinh tế nói chung và cho đầu tư vào tỉnh nói riêng. Các chính sách, phương hướng chỉ đạo của tỉnh là một sự kết hợp hài hòa giữa pháp luật định hướng của Trung ương và tình hình thực trạng địa phương tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà đầu tư khi tham gia hoạt động đầu tư và Quảng Bình.

### ***2.3.3. Những hạn chế, bất cập***

## **2.4. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập thi hành pháp luật về đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình**

### ***2.4.1. Nguyên nhân chủ quan***

### ***2.4.2. Nguyên nhân khách quan***

## **Tiểu kết Chương 2**

Luật Đầu tư nói riêng và hệ thống pháp luật về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam nói chung hiện nay như phân tích ở trên đã tạo được một hành lang pháp lý để xác lập và điều chỉnh việc đầu tư nước ngoài vào Việt Nam một cách ổn định ngắn hạn nhưng có được một tầm nhìn dài hạn.

Đa số các quy định của Luật về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam nhận diện qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình tuy có những thành tựu đáng kể song đã phát sinh nhiều hạn chế và những hạn chế này là sự liên hệ có logic với nhau.

Pháp luật là bộ phận thuộc kiến trúc thượng tầng, điều chỉnh và định hướng sự phát triển đồng bộ của cơ sở hạ tầng. Nếu pháp luật về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam không phát huy được hiệu quả, điều này có nghĩa rằng pháp luật tuy có nhưng lại là “cái áo quá chật” gò bó và kìm hãm sự phát triển của thị trường hoặc có sự tồn tại của pháp luật nhưng lại không thể phát hiện và điều chỉnh được các vi phạm trong chuyên nhượng dự án thì là một vấn đề đáng ngại.

### **Chương 3**

## **ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM**

### **3.1. Định hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam**

#### ***3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về đầu tư nước ngoài phải phù hợp với chính sách, pháp luật của nhà nước***

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, pháp luật về đầu tư là một trong những nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thu hút đầu tư nước ngoài. Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, Đảng ta luôn đặc biệt quan tâm, chỉ đạo sát sao nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Những tư tưởng và chủ trương này đã được thể hiện khá rõ trong văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, lần thứ XII, lần thứ XIII.

#### ***3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam phải dựa trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch***

Các văn bản pháp luật liên quan đến đầu tư nước ngoài vào Việt Nam cần phải được đảm bảo tính công khai, minh bạch, được đăng, phát hành, phổ biến rộng rãi, kịp thời trên công báo của Chính phủ và các phương tiện thông tin đại chúng. Tạo mọi điều kiện thuận lợi, dễ dàng cho các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và các chủ đầu tư nước ngoài cũng như mọi đối tượng, mọi chủ thể tham gia vào quá trình đầu tư được tiếp cận, nắm bắt và thực hiện kịp thời các quy định cũng như những thay đổi trong văn bản pháp luật về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

### ***3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam phải đặt trong cải cách thể chế***

Rà soát, sửa đổi bổ sung các quy định về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam theo hướng thống nhất, đồng bộ bằng cách sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới một cách toàn diện, bám sát và thể hiện được tinh thần đầu tư nước ngoài vào Việt Nam mà Đảng và Nhà nước ta đã xác định.

## **3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam**

*Thứ nhất*, cần nhìn nhận hoạt động đầu tư là một phần của hoạt động kinh doanh không tách rời các hoạt động kinh doanh.

*Thứ hai*, cần bình đẳng giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước trong việc thành lập doanh nghiệp.

*Thứ ba*, cần cho phép người nước ngoài thành lập doanh nghiệp tư nhân.

*Thứ tư*, về giấy chứng nhận đăng ký đầu tư khi thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam.

*Thứ năm*, cần sửa đổi các văn bản luật để thống nhất với Luật Đầu tư

*Thứ sáu*, quy định cụ thể cơ chế phối hợp thực hiện cụ thể giữa các cơ quan Bộ, ngành Trung ương với địa phương

*Thứ bảy*, cần có hướng dẫn cụ thể, thống nhất về lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

## **3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình hiện nay**

### ***3.3.1. Nhóm giải pháp tăng cường thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư tại tỉnh Quảng Bình.***

*Một là*, tỉnh cần công bố rộng rãi những quy hoạch chủ yếu và những định hướng lớn về phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021 -

2030 và định hướng thu hút đầu tư vào những ngành, lĩnh vực chủ yếu như: Công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, du lịch, giáo dục, y tế.

*Hai là*, đẩy mạnh hơn nữa cải cách hành chính, tập trung vào các công việc liên quan đến đất đai, giải phóng mặt bằng, quy hoạch khu tái định cư, thủ tục xây dựng cơ bản. Chính sách cần đảm bảo sự tập trung, thống nhất theo hướng “một cửa” trong đó nhà đầu tư chỉ tiếp xúc với một đầu mối.

*Ba là*, hàng năm dành một phần của ngân sách để chi hỗ trợ phát triển các khu công nghiệp nhỏ; có nguồn bổ sung thường xuyên quỹ xúc tiến đầu tư và sử dụng một cách hiệu quả (có chỉ đạo rõ ràng, có giám sát thực hiện) quỹ vào các hoạt động liên quan thu hút đầu tư.

### **3.3.2. Nhóm giải pháp thúc đẩy đầu tư.**

*Một là*, cần đẩy mạnh hơn nữa việc chính quyền các cấp chủ động trong việc tiếp cận các nhà đầu tư

*Hai là*, cần sử dụng việc hỗ trợ tư vấn của các đơn vị tư vấn một cách hiệu quả.

*Ba là*, đẩy mạnh hoạt động của Tổ giúp việc cho Tỉnh trong vấn đề đầu tư nhằm phối hợp và giải quyết nhanh chóng, dứt điểm các vướng mắc của nhà đầu tư liên quan đến nhiều ngành mà một ngành, một đơn vị không giải quyết được.

*Bốn là*, tỉnh cần ban hành và cập nhật các thay đổi về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng hạ tầng, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trong khu công nghiệp đặc biệt là các khu công nghiệp nhỏ

### **3.3.3. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư.**

*Thứ nhất*, tiếp tục bổ sung vốn từ nhiều nguồn khác nhau cho Quỹ hỗ trợ đầu tư và quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh

*Thứ hai*, đẩy mạnh việc tạo vốn đầu tư thông qua tín dụng thương mại.

### ***3.3.4. Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách***

Chính quyền địa phương cần triển khai thực hiện một cách chủ động, tích cực các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư của Trung ương và tiếp tục hoàn thiện các chính sách của địa phương để thúc đẩy sự phát triển và nâng cao hiệu quả đầu tư trên địa bàn tỉnh. Cụ thể, cần quan tâm đến các chính sách về đất đai, thị trường, khuyến khích đầu tư, khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường, đào tạo và sử dụng lao động.

### ***3.3.5. Nhóm giải pháp về phát triển khu công nghiệp.***

Tỉnh cần triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư vào khu công nghiệp của Chính phủ và của UBND tỉnh.

## **Tiểu kết Chương 3**

Trên cơ sở những điểm bất cập, hạn chế còn tồn tại trong quy định của pháp luật và thực tiễn đầu tư nước ngoài vào Quảng Bình đã phân tích ở chương 2. Kết thúc chương 3, Luận văn giải quyết các vấn đề:

Một là, phân tích các định hướng trong công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Việc hoàn thiện pháp luật các quy định này là cấp thiết, song phải được thực hiện theo những nguyên tắc, định hướng nhất định.

Hai là, đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật cũng như giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về đầu tư nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới.

## KẾT LUẬN

Trong xu thế mới của nền kinh tế toàn cầu thì một thực tế là xu hướng toàn cầu hóa, làm cho các nền kinh tế càng gần nhau hơn và kinh tế Việt Nam cũng không ngoài quy luật đó. Các hoạt động đầu tư ngày càng khẳng định là trọng tâm của đời sống kinh tế. Chất lượng của các hoạt động đầu tư chính là minh chứng cho sự thịnh vượng và phát triển của một nền kinh tế nói chung và của một địa phương nói riêng. Để nâng cao chất lượng của hoạt động đầu tư chúng ta cần đến nhiều nhân tố, từ vấn đề lao động, quản lý, vị trí địa lý, tài nguyên... Trong luận văn này, tác giả đã có những tiếp cận với tình hình phát triển kinh tế tại Quảng Bình, để qua đó nhằm làm sáng tỏ những đường lối kinh tế, khung pháp lý hữu hiệu của Quảng Bình nói riêng và của Việt Nam nói chung.

Nhận thức về vai trò của pháp luật và chính sách về đầu tư đối với sự phát triển của nền kinh tế dù quan trọng đến đâu cũng chỉ là sự bắt đầu cho một hành trình - hành trình của sự tạo lập một hạ tầng pháp lý có thể nuôi dưỡng và thúc đẩy sự phát triển bền vững và hiệu quả của các hoạt động đầu tư của một đất nước, một địa phương. Pháp luật đầu tư trong suốt quá trình phát triển của nó xét cho cùng cũng là sự cố gắng tạo ra một môi trường đầu tư tích cực. Vấn đề tiếp sau đó cũng không kém phần quan trọng, đó là sự tạo lập sự xây dựng các chế định sao cho tối ưu, sao cho có lợi nhất và hơn thế là có thể nuôi dưỡng trong nội hàm của các quy phạm, các chế định pháp luật một triết lý pháp lý mang tính chiến lược, có lợi cho sự phát triển chung trong mối quan hệ với các ngành luật khác. Đây là điều mà chúng ta đang tích cực hoàn thiện.



## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Kim Bảo (2004), *Điều chỉnh một số chính sách kinh tế ở Trung Quốc*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (2006), *Những vấn đề kinh tế - xã hội nảy sinh trong đầu tư trực tiếp nước ngoài, kinh nghiệm Trung Quốc và thực tiễn Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Tổng cục Thống kê (2008), *Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam 7 năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
4. Trần Thị Minh Châu (2007), *Về chính sách khuyến khích đầu tư ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội
5. Hải Châu (2008), “Đà Nẵng học được gì qua 20 năm thu hút vốn FDI?” *tại trang <http://vietbao.vn>*, [truy cập ngày 18/2/2019].
6. Nguyễn Tiến Cơi (2008), *Chính sách thu hút vốn FDI của Malaixia trong quá trình hội nhập kinh tế - Thực trạng, kinh nghiệm và khả năng vận dụng vào Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.24, 84.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.99, 108, 292-293.
9. Phước Hiền (2018), “Đà Nẵng thu hút 546 dự án FDI, vốn đầu tư trên 3 tỷ USD”, *tại trang [www.drt.danang.vn](http://www.drt.danang.vn)*, [truy cập ngày 25/5/2019]
10. Đào Văn Hiệp (2012), “*Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Việt Nam*”, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 1(404), tr.23-30. 154.

11. Nguyễn Văn Hiệu (2006), “*Thu hút đầu tư gián tiếp nước ngoài ở Việt Nam - thực trạng, triển vọng và giải pháp*”, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, (343), tr.3-12.
12. Trần Văn Hùng (2019), “*Thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần phát triển kinh tế xã hội*”, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, (3), tr.34-36.
13. Đặng Thu Hương (2010), *Thu hút vốn FDI trong quá trình hội nhập kinh tế của Trung Quốc thời kỳ 1987 - 2003, thực trạng và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
14. Quang Thị Ngọc Huyền (2008), “*Chính sách FTA của Hàn Quốc và hợp tác thương mại Hàn Quốc - ASEAN*”, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, (4).
15. Trần Quang Lâm, An Như Hải (2006), *Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. V.I.Lênin (1994), *Toàn tập*, tập 27, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.402.
17. V.I.Lênin (1980) *Toàn tập*, tập 27, Nxb Tiến bộ, Matxcova, tr.402.
18. Hoàng Thị Bích Loan (2008), *Thu hút đầu tư trực tiếp của các công ty xuyên quốc gia vào Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
19. Mai Đức Lộc (1994), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong việc phát triển kinh tế Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
20. Trần Văn Lợi (2006), “*Phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài vấn đề đặt ra và một số giải pháp*”, Tạp chí Cộng sản, (14), tr.45-50.
21. C.Mác (1978), *Tư bản*, quyển III, tập I, Nxb Sự thật, Hà Nội.
22. C.Mác, Ph.Ăngghen (1982), *Tuyển tập*, tập III, Nxb Sự thật, Hà Nội.

23. Đặng Hoàng Thanh Nga (2011), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài của các công ty xuyên quốc gia của Hoa Kỳ ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
24. Lâm Nguyễn (2004), “*Các giải pháp tăng cường thu hút FDI*”, Tạp chí Kinh tế và dự báo, (4), tr.1-2.
25. Phùng Xuân Nhạ (2013), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam Lý luận và Thực tiễn*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
26. Bùi Huy Nương (2010), “*Giải pháp tăng cường đầu tư trực tiếp nước ngoài sang Lào của các doanh nghiệp Việt Nam*”, Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 9 (437), tr.25-27.
27. Nguyễn Duy Quang (2007), *Đầu tư trực tiếp của Liên minh châu Âu vào Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
28. Hoàng An Quốc (2001), *Hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với các nước khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trong thời kỳ đổi mới*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Hà Nội.
29. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp 2013*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
30. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1996), *Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài Việt Nam*, Hà Nội.
31. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật Đất đai*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật Đầu tư Việt Nam*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
33. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Đầu tư Việt Nam*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
34. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), *Luật Đầu tư Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), *Bảo vệ môi trường*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật Đấu thầu Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

37. Lê Ngọc Sơn (2012), “*Tăng cường thu hút FDI vào các vùng kinh tế*”, Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 17(529), tr.28-30.

38. Nguyễn Huy Thám (1999), *Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư nước ngoài ở các nước ASEAN và vận dụng vào Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.

39. Đặng Đức Thanh (2012), “*Huy động vốn đầu tư nước ngoài, thực trạng, dự báo và một số kiến nghị*”, Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 24(536), tr.17-20.

40. Ngô Công Thành (2005), *Định hướng phát triển các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.

41. Lưu Ngọc Trinh, Nguyễn Bình Giang (2006), “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các tỉnh biên giới phía bắc (Việt Nam)*”, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, (343), tr.25-33.

42. Nguyễn Văn Tuấn (2005), “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài với phát triển kinh tế ở Việt Nam*”, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

43. Trần Nguyễn Tuyên (2004), “*Hoàn thiện môi trường và chính sách khuyến khích FDI ở Việt Nam*”, Tạp chí Cộng sản, (14), tr.41-45.

44. Trần Nguyễn Tuyên (2018), “*Thu hút và sử dụng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam: Kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra*”, Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, số 1(112), tr.26-41

45. Nguyễn Tấn Vinh (2012), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.